Phụ lục 72
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ CHỢ VÀM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 7, 13, 17, 18, 25, 26 Phụ lục 72 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL72 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1	7	Giao thông nông thôn, đường liên xã…		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp giao thông nông thôn, đường liên xã…)
		- Khu dân cư ấp Phú Vinh	1.500	
		- Từ ngã 3 đường vòng ấp Phú Hiệp - ranh ấp Phú Vinh (đường lộ sau)	1.000	
		- Từ Quốc lộ 80B (ấp Phú Trường) - Cống K26	1.000	
		- Các đoạn đường còn lại	1.000	

TT	Số TT PL72 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
2	13	Đường K16 (Đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 80B - ranh xã Hòa Lạc)	1.000	Gộp đoạn (Đoạn cũ: Đoạn từ tiếp giáp Quốc lộ 80B - Cuối ranh cửa hàng xăng dầu Nhiên Liệu Đồng Tháp; Ấp Phú Đức A đoạn từ cuối ranh cửa hàng xăng dầu Nhiên Liệu Đồng Tháp - đến ranh ấp Phú Trung; Từ ấp Phú Trung - ranh xã Hòa Lạc)
3	17	Tuyến bờ Bắc K26 doạn từ kênh Ba xã đến cầu Phú Gia	250	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh Chợ Vàm đến Văn phòng ấp Gò Ba Gia)
4	25	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥3m được trải bê tông hoặc nhựa)
5	26	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	270	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	27	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL72 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Khu vực thuộc các ấp: Phú Hiệp, Phú Hữu, Phú Trường, Phú Vinh, Phú Xương**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	- Phía Đông - Đông Bắc giáp sông Cái Vừng và sông Tiền - Phía Nam giáp đường đất hiện hữu (ấp Phú Xương, xã Chợ Vàm) - Phía Tây giáp tuyến dân cư vượt lũ - Phía Tây Bắc giáp sông Cái Vừng và Quốc lộ 80B lấy vào trong 300m.	140	Sửa tên đường (Tên cũ: - Phía Đông - Đông Bắc giáp sông Cái Vừng và sông Tiền. - Phía Nam giáp đường đất hiện hữu (ấp Phú Xương. thị trấn Chợ Vàm) - Phía Tây giáp tuyến dân cư vượt lũ - Phía Tây Bắc giáp sông Cái Vừng và đường tỉnh 954 lấy vào trong 300m)
b	b	Quốc lộ 80B	86	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B)
c	c	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy	79	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy)

TT	Số TT PL72 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
d	d	Khu vực còn lại	48	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	- Phía Đông - Đông Bắc giáp sông Cái Vừng và sông Tiền - Phía Nam giáp đường đất hiện hữu (ấp Phú Xương, xã Chợ Vàm) - Phía Tây giáp tuyến dân cư vượt lũ - Phía Tây Bắc giáp sông Cái Vừng và Quốc lộ 80B lấy vào trong 300m.	150	Sửa tên đường (Tên cũ: - Phía Đông - Đông Bắc giáp sông Cái Vừng và sông Tiền. - Phía Nam giáp đường đất hiện hữu (ấp Phú Xương. thị trấn Chợ Vàm) - Phía Tây giáp tuyến dân cư vượt lũ - Phía Tây Bắc giáp sông Cái Vừng và đường tỉnh 954 lấy vào trong 300m)
b	b	Quốc lộ 80B	93	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B)
c	c	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy	93	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy)
d	d	Khu vực còn lại	60	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))
II	**II**	**Khu vực thuộc các ấp: Phú Cường A, Phú Cường B, Phú Đức A, Phú Đức B, Phú Lộc**		

TT	Số TT PL72 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng))
b	b	Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Quốc lộ 80B	104	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B)
b	b	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng))
c	c	Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))

TT	Số TT PL72 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
III	**III**	**Khu vực thuộc các ấp: Phú Quới, Phú Thượng, Phú Trung**		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	a	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)	58	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II))
b	b	Khu vực còn lại	35	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
a	a	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II))
b	b	Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))